TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh N
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Huỳnh Bá Tiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1978 (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 20 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Ngọc D, sinh năm: 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 20 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Ngô Ngọc D gặp nhau và quen biết nhau gần 8 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Ngũ Hành Sơn,

thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/8/2002, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng với gia đình cha mẹ chồng tại quận Ngũ Hành Sơn. Đến năm 2009 thì chúng tôi ra ở riêng. Vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ 6 năm nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không đồng quan điểm, anh D có người phụ nữ khác, cách quản lý chi tiêu tài chính trong gia đình của anh D hơi chặt chẽ làm tôi thấy không được thoải mái. Ngoài ra anh D cũng có một lần đánh tôi. Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Ngọc D.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 và Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010;

Theo đơn khởi kiện, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Phú H; giao con chung Ngô Anh Q cho anh Ngô Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng và tôi yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi ý kiến xin nuôi cả hai con chung là cháu H và cháu Q, trường hợp nếu HĐXX không chấp nhận việc giao cả hai con chung cho tôi nuôi dưỡng thì tôi đề nghị được nuôi cháu H và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Theo đơn khởi kiện tôi trình bày không có nợ chung, tuy nhiên vợ chồng tôi có nợ Ngân hàng một số tiền và vay Ngân hàng nào do anh D trực tiếp làm thủ tục nên tôi không nắm rõ.

Do hiện nay về tài sản chung tôi chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên nợ chung chúng tôi cũng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Sau này về quan hệ tài sản chung và nợ chung nếu chúng tôi không tự thỏa thuận giải quyết được thì chúng tôi sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác.

Tại các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và vợ tôi là cô Nguyễn Thị Thanh N quen nhau và tự tìm hiểu được 8 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/8/2002, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng với gia đình cha mẹ tôi tại quận Ngũ Hành Sơn. Đến năm 2009 thì chúng tôi ra ở riêng. Vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2018. Nguyên nhân theo tôi là do cô N có người đàn ông khác nên tìm cách gây sự trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xích mích. Tuy nhiên, tôi xác định mình vẫn còn tình cảm với cô N, tôi không có người phụ nữ khác như cô N trình bày, về cách chi tiêu trong gia đình tôi hứa sẽ điều chỉnh cho phù hợp bằng cách giao tài chính trong gia đình cho cô N giữ và cô N phải quản lý chi tiêu cho tốt, chăm sóc cho con cái tốt.

Nay cô Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý, theo tôi vợ chồng hết tình thì còn nghĩa nên mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 và Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010;

Quá trình hòa giải, tôi có ý kiến nếu như Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi 01 con chung thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Phú H; giao con Ngô Anh Q cho cô N nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu cô N cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu giao con Ngô Anh Q cho cô N nuôi dưỡng tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Q là 5.000.000đ/ tháng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi có ý kiến vẫn xin được nuôi cả hai con chung là cháu Q và H, tôi không yêu cầu cô N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp HĐXX giao con chung cho cô N nuôi dưỡng thì tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ chung nH do hiện nay về tài sản chung chúng tôi chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên nợ chung chúng tôi cũng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Sau này về quan hệ tài sản chung và nợ chung nếu chúng tôi không tự thỏa thuận giải quyết được thì chúng tôi sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N đối với anh Ngô Ngọc D:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Ngô Ngọc D.

Về quan hệ con chung: Xử :

Giao con chung là cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 cho anh Ngô Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh D không yêu cầu nên các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị N và anh D xác nhận vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nH do hiện nay về tài sản chung vợ chồng anh chị chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên về nợ chung anh chị cũng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Sau này về quan hệ tài sản chung và nợ chung nếu anh chị không tự thỏa thuận giải quyết được thì anh chị sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác. Do vậy, đề nghị HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Ngô Ngọc D và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Ngô Ngọc D quen biết và tự tìm hiểu được gần 8 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/8/2002, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N anh D sống cùng với gia đình cha mẹ anh D tại quận Ngũ Hành Sơn. Đến năm 2009 thì vợ chồng ra ở riêng.

Theo chị N, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ 06 năm nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không đồng quan điểm, anh D có người phụ nữ khác, cách quản lý chi tiêu tài chính trong gia đình của anh D hơi chặt chẽ làm chị N cảm thấy ngột ngạt, không được thoải mái. Ngoài ra anh D cũng có đánh đập chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N xác định chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Ngọc D.

Theo anh D, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2018. Nguyên nhân là do chị N có người đàn ông khác nên tìm cách gây sự trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xích mích; anh D xác định mình không có người phụ nữ khác như chị N đã trình bày, đối với việc chi tiêu trong gia đình anh D hứa sẽ điều chỉnh cho phù hợp.

Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý vì theo anh D vợ chồng hết tình thì còn nghĩa nên mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

[4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị N và anh D hiện nay mặc dù vẫn chung sống trong cùng một nhà nH giữa anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau; về tính cách có nhiều sự bất đồng, mâu thuẫn khó có thể hòa hợp được; anh D xác định vợ chồng có mâu thuẫn và tình cảm không còn tuy nhiên theo anh D vợ chồng hết tình thì còn nghĩa nên vẫn mong muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nH chị N vẫn xác định mình không còn tình cảm với anh D, vẫn cương quyết xin ly hôn; trong khi đó anh D có yêu cầu đoàn tụ nH anh vẫn chưa đưa ra được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài ra, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện trước đây chị N đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn, và chị N cũng đã vì các con, muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn mâu thuẫn nên rút đơn khởi kiện để vợ chồng cùng đoàn tụ và đã được Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án 02 lần. Tại Biên bản xác minh do Tòa án lập cũng thể hiện vợ chồng chị N anh D có nhiều mâu thuẫn.

HĐXX xét thấy: Việc cho ly hôn hay đoàn tụ nhằm mục đích duy trì mối quan hệ gia đình thật sự, vì mục đích hôn nhân là vợ chồng phải có trách nhiệm với nhau, phải còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định mình không còn tình cảm với anh D nên vẫn cương quyết xin ly hôn và chính anh D cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Do mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Ngô Ngọc D là hợp lý.

[5] Về con chung: Chị N và anh D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 và Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010. Hiện nay cháu Q, cháu H đều đang sống cùng với chị N và anh D.

Tại phiên tòa chị N đề nghị HĐXX giao cả hai con chung là cháu Q và H cho chị nuôi dưỡng, trường hợp nếu HĐXX không chấp nhận việc giao cả hai con chung cho chị N thì chị đề nghị được nuôi cháu H.

Tại phiên tòa, anh D đề nghị HĐXX xem xét giao cả hai con chung là cháu Q và H cho anh nuôi dưỡng, anh D không đồng ý giao con chung cho chị N vì theo anh D chị N không đảm bảo được điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của chị N và anh D thì thấy: Việc giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con chung. Tại phiên tòa chị N và anh D đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung.

Xét về điều kiện thu nhập, công việc và kinh tế hiện nay của chị N và anh D thì cả anh D chị N đều đảm bảo. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cũng thể hiện hai cháu Q và H hiện đang sống cùng bố mẹ.

Tại lời trình bày của cháu Q và cháu H có trong hồ sơ vụ án thể hiện cháu Q muốn được sống cùng bố và mẹ; cháu H xin ở với mẹ. Tuy nhiên sau đó cháu H và Q có thay đổi lời khai là muốn sống cùng bố là anh D.

Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Q và H; vào nguyện vọng của chị N và anh D đều muốn được chăm sóc cả 02 con chung sau khi ly hôn; xét về điều kiện vật chất và tinh thần của chị N và anh D cho các con chung thì cả chị N và anh D đều đảm bảo điều kiện vật chất và tinh thần cho việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Hiện nay cháu H còn nhỏ, nên cần sự quan tâm chăm sóc và gần gũi yêu thương của người mẹ nhiều hơn. Do vậy, HĐXX xét cần giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nhằm tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu.

Như nhận định ở trên, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của chị N và anh D về việc giao cho mỗi bên được nuôi cả 02 con chung được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên chị N và anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị N và anh D xác nhận vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nH do hiện nay về tài sản chung vợ chồng anh chị chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên về nợ chung anh chị cũng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Do vậy, HĐXX không đề cập giải quyết về quan hệ tài sản chung và nợ chung. Sau này nếu chị N và anh D tranh chấp về quan hệ tài sản chung và nợ chung thì anh chị sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N đối với anh Ngô Ngọc D. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Ngô Ngọc D;

Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 cho anh Ngô Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh D không yêu cầu nên các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị N và anh D xác nhận vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nH về tài sản chung và nợ chung vợ chồng chị N anh D chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị HĐXX không xem xét. Sau này nếu tranh chấp về quan hệ tài sản chung và nợ chung chị N anh D sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N đối với anh Ngô Ngọc D về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Ngô Ngọc D**.**

II/ Về quan hệ con chung:

- Giao con chung là cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 08/6/2004 cho anh Ngô Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.
- Giao con chung là cháu Ngô Phú H, sinh ngày 26/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Chị N, anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

IV/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp tại biên lai thu số 0009515 ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

V/ Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

VI/ Chị Nguyễn Thị Thanh N, anh Ngô Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số 102 cấp ngày 12/8/2002)

Nguyễn Thị Thanh N